



1.2.1	<i>Ngành ....</i>								
<b>2</b>	<b>Đại học</b>								
2.1	Chính quy								
2.1.1	<i>Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên</i>								
2.1.1. 1	<i>Ngành...</i>								
2.1.2	<i>Các ngành đào tạo ưu tiên</i>								
2.1.2. 1	<i>Ngành...</i>								
2.2	Liên thông từ TC lên ĐH								
2.2.1	<i>Ngành....</i>								
2.3	Liên thông từ CĐ lên ĐH								
2.3.1	<i>Ngành....</i>								
2.4	Đào tạo trình độ đại học đối với người đã có bằng ĐH trở lên								
2.4.1	<i>Ngành....</i>								
<b>3</b>	<b>Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non</b>								
3.1	Chính quy								
3.2	Liên thông từ TC lên CĐ								
3.3	Đào tạo trình độ CĐ đối với người đã có bằng CĐ								
<b>II</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>								
<b>1</b>	<b>Đại học</b>								



1	Khối ngành/ Nhóm ngành I* - Ngành 1 Tổ hợp 1: Tổ hợp 2:						
	Tổ hợp 3: ..... - Ngành 2 - Ngành 3 - Ngành 4 .....						
2	Khối ngành II						
3	Khối ngành III						
4	Khối ngành IV						
5	Khối ngành V						
6	Khối ngành VI						
7	Khối ngành VII						
	<b>Tổng</b>						

- Khối ngành/ Nhóm ngành I\*: Kê khai theo ngành

- Nếu tuyển sinh năm 2020 thì “Năm tuyển sinh -2”: là năm tuyển sinh 2018; “Năm tuyển sinh -1”: là năm tuyển sinh 2019

## II. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

### 1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của Khoa

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng/Diện tích Đơn vị
<b>Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh</b>			
1	Tổng diện tích	m <sup>2</sup>	784

2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	m <sup>2</sup>	720
3	Số chỗ ở ký túc xá sinh viên	Số người	60.000

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có).

Tại khu đô thị ĐHQG-HCM có hệ thống ký túc xá với hơn 60.000 chỗ ở do Chính Phủ, ĐHQG-HCM và các tỉnh đầu tư xây dựng, đảm bảo chỗ ở cho sinh viên nội trú (<http://ktx.vnuhcm.edu.vn>).

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy:

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu		784
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ		
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	3	453
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ		
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ		
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	72
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	1	123
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	1	9.400
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập		
	<b>Tổng</b>	<b>6</b>	

1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên thiết bị, công cụ, dụng cụ, ký hiệu và mục đích sử dụng	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Mục đích sử dụng	Phục vụ Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành đào tạo
1	Bộ Máy vi tính (Intel Pentium E-2.5G, Main G31, CPU 2.5G, Ram 1GB, HDD 160 GB, DVD - RW, LCD 17")	Bộ	07	2010	Hỗ trợ giảng dạy, lưu dữ liệu và tra cứu tài liệu trên mạng Internet	Quản lý công
2	Bộ máy vi tính chính hãng DELL VOSTRO 220 MT E7500(2*2.93GHz/3M/1066MHz)/2GB/320GB/DVD-RW/K/M/Freedom-D483H, dell (TM) E170S Entry 17" flat Panel LCD Monitor-C013P)	Bộ	04	2010	Hỗ trợ giảng dạy, lưu dữ liệu và tra cứu tài liệu trên mạng Internet	Quản lý công
3	Máy tính xách tay Sony Vaio Core i5 520M,2.4G/4GB/500G/13.3"/512MVGA/DVDRW/Win7pro (VPCS117GG/B)	Cái	03	2010	Hỗ trợ giảng dạy, lưu dữ liệu và tra cứu tài liệu trên mạng Internet	Quản lý công
4	Máy tính xách tay ASUS A42J I5 - 430M, Core i5-430M 2x2.26Ghz, Overlock upto 2x2.53, 2.0GB DDR3 - 1066, 250G 5400rpm, DVD±RW, 3 in1 Card, Webcam, ATI Radeon 5145 with 1G VRAM, 14"HD Led Backlit, Wireless, HDMI, 6cell, 2.2kg, Free Doss.	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy, lưu dữ liệu và tra cứu tài liệu trên mạng Internet	Quản lý công
5	Máy tính xách tay HP PAVILION DV42104TU (WJ433PA)	Cái	02	2010	Hỗ trợ giảng dạy, lưu dữ liệu và tra	Quản lý công

					cứu tài liệu trên mạng Internet	
6	Máy tính xách tay HP Core I5 4GB/500GB/Card 512/pin 6 cell	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy, lưu dữ liệu và tra cứu tài liệu trên mạng Internet	Quản lý công
7	Màn hình Compaq S1921 18.5" TFT, Native Resolution: 1336 x 768/@ 60Hz, Contrast Ratio: 700:1, Pixel pitch: 0.030 cm, Brightness: 200 nits, Response Time: 5ms, Signal Input Connector: VGA. Keyboard + Mouse optical HP	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy trình chiếu	Quản lý công
8	Máy in (HP Laser Jet 5200)	Cái	01	2010	In tài liệu	Quản lý công
9	Máy in màu HP CP1515N In laser màu khổ A4, in qua mạng 96MB Ram, 8ppm	Cái	01	2010	In tài liệu	Quản lý công
10	Máy in HP LaseJet P2055D	Cái	02	2010	In tài liệu	Quản lý công
11	HP LaserJetP2035 Printer_CE461A	Cái	04	2010	In tài liệu	Quản lý công
12	Máy in (HP Laser Jet P3005)	Cái	01	2010	In tài liệu	Quản lý công
13	Máy in kim EPSON LQ 300+II	Cái	01	2010	In tài liệu	Quản lý công
14	Máy photocopy FUJI XEROX DOCUCENTRE - II 2007 DD	Cái	01	2010	Photo tài liệu, đề thi	Quản lý công

15	<p>Máy chiếu Acer P1206 DLP  Độ chiếu sáng: 3500 ANSI lumens-Zoom kỹ thuật số: 2X  Độ phân giải: XGA (1024 x 768), nén UXGA (1600 x 1200), 1080p (1920 x 1080)  Độ tương phản: 3700:1 - Chế độ màu hiển thị: 1.07 Tỷ màu  Loại bóng đèn: 230W-UHP, tuổi thọ bóng đèn: 4000 giờ  Chức năng chỉnh vuông hình ảnh: +/- 40 độ (Chiếu đứng)  Kích thước phóng to màn hình: 23-300 inches - kích thước của máy chiếu: 269 x 206 x 84 mm  Tương thích với công nghệ DLP 3D Ready và có thể chuyển các hình ảnh khi phát dạng 2D thành 3D Remote có điều khiển chuột từ xa, có laser pointer, chức năng lật trang màn hình - Công nghệ ColorBoost.Trọng lượng: 2.5 kg</p>	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy trình chiếu	Quản lý công
16	<p>Máy chiếu Sony VPL-EX130  Cường độ chiếu sáng 3000 Ansi Lumens, Độ phân giải 1024 * 768 (XGA)-750 TV lines, Bóng đèn 210W UHM, Zoom KTS: 4X, chức năng Smart APA, Menu hiển thị tiếng việt, tuổi thọ bóng đèn 4000 giờ,</p>	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy trình chiếu	Quản lý công



	điều chỉnh góc nghiêng và chỉnh vuông hình, kích thước phóng to màn hình 40-300", công suất 260W, nguồn 100-240V AC, 50/60 HZ, kích thước 313.4 x 114.1 x 269 mm, trọng lượng 3.1 kg					
17	Máy chiếu Sony VPL-EX 130 Độ sáng: 3000 ANSI Lumens Độ phân giải: XGA 1024 x 768 nén SXGA Độ phóng màn hình: 40"-300", Độ tương phản: 650:1 Menu Tiếng Việt, off and Go, Monitor Output, D Zoom 4X Auto Input Trọng lượng: 2,9 kg, Tuổi thọ bóng đèn 5000 giờ	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy trình chiếu	Quản lý công
18	Tivi LCD Sony KLV-32BX300 PL1	Cái	01	2010	Hỗ trợ xem phim tư liệu	Quản lý công
19	Máy ghi âm SONY ICD-PX980 2GB	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy	Quản lý công
20	Bàn làm việc và vi tính văn phòng (1,60*0,80*0,75)m	Cái	02	2010	Phục vụ giảng dạy	Quản lý công
21	Đầu đĩa Toshiba SD-705KV	Cái	01	2010	Hỗ trợ xem phim tư liệu	Quản lý công
22	Bảng đứng mặt Alu, chữ Mica (kích thước 1.7m*2.2m)	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy	Quản lý công
23	Bảng ngang mặt Alu, chữ Mica (kích thước 2.6m*1.1m)	Cái	01	2010	Hỗ trợ giảng dạy	Quản lý công
24	Bảng dọc hành lang mặt gỗ, chữ Inox và mica (kích thước 2.81m *	Cái	01	2010	Đựng tài liệu	Quản lý công

	2.34m).					
25	Tủ hồ sơ 09K3G Hòa Phát	Cái	03	2010	Đựng tài liệu	Quản lý công
26	Tủ hồ sơ 09K4T Hòa Phát	Cái	06	2010	Đựng tài liệu	Quản lý công
27	14 Bàn gỗ 1m4	Cái	14	2012	Hỗ trợ học tập	Quản lý công
28	28 Ghế gỗ	Cái	28	2012	Hỗ trợ học tập	Quản lý công
29	Bục phát biểu 50cm*70cm*115cm	Cái	01	2013	Hỗ trợ giảng dạy	Quản lý công
30	Máy tính thương hiệu Việt Nam FPT Elead - Sản xuất trên dây chuyền công nghiệp (ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; ISO 17025:2005) - FPT Elead Ed7700	Cái	05	2020	Hỗ trợ giảng dạy	Quản lý công
31	Máy tính xách tay HP Intel Core i7-8565U (1.8GHz Up to 4.6GHz, 8MB Cache, 4 core, 4 GT/s OPL, 800MHz)	Cái	02	2020	Hỗ trợ giảng dạy	Quản lý công

**2. Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo...sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện**

STT	Khối ngành đào tạo / Nhóm ngành	Số lượng
1	Khối ngành/Nhóm ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	111
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

**3. Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh - trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành giáo dục Mầm non.**

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	Phạm Huỳnh Minh Hùng	Nam		Tiến sĩ	Triết học	Triết học			7340403	Quản lý công
2	Nguyễn Đình Quốc Cường	Nam		Tiến sĩ	CNDVBC & CNDVLS	Triết học			7340403	Quản lý công
3	Trần Thế Lưu	Nam		Tiến sĩ	Khoa học giáo dục				7340403	Quản lý công
4	Nguyễn Thị Thu Hòa	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý công				7340403	Quản lý công
5	Phạm Nhựt Cường	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công				7340403	Quản lý công
6	Đào Văn Hân	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công				7340403	Quản lý công
7	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công, Chính sách				7340403	Quản lý công

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
					công					
8	Mạch Thị Khánh Trinh	Nữ		Tiến sĩ	Triết học	Triết học			7340403	Quản lý công
9	Trần Hoàng Hào	Nam		Tiến sĩ	Triết học	Triết học			7340403	Quản lý công
10	Phan Thị Cẩm Lai	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng			7340403	Quản lý công
11	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Nữ		Thạc sĩ	CNDVBC &CNDVLS	Triết học			7340403	Quản lý công
12	Trần Thị Châu	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng			7340403	Quản lý công
13	Trương Thị Mai	Nữ		Tiến sĩ	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh			7340403	Quản lý công

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
14	Phạm Thị Thu Hương	Nữ		Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Chủ nghĩa xã hội khoa học			7340403	Quản lý công
15	Lê Văn Đại	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin			7340403	Quản lý công
16	Nguyễn Hữu Trinh	Nam		Thạc sĩ	Kinh chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin			7340403	Quản lý công
17	Quách Thị Minh Trang	Nữ		Thạc sĩ	Kinh chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin			7340403	Quản lý công
18	Lê Văn Thông	Nam		Thạc sĩ	Kinh chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin			7340403	Quản lý công

Stt	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
19	Bùi Thanh Tùng	Nữ		Tiến sĩ	Kinh chính trị	Kinh tế chính trị Mác – Lênin			7340403	Quản lý công
20	Nguyễn Thị Kim Chung	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử triết học	Triết học			7340403	Quản lý công
21	Lường Thị Phượng	Nữ		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh			7340403	Quản lý công
<b>Tổng số giảng viên toàn trường: 21</b>										

**4. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.**

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
1	Ngô Quang Định	Nam		Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	7340403	Quản lý công	45	
2	Lê Thị Mai Hương	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế học đại cương	7340403	Quản lý công	17	
3	Trần Văn Hùng	Nam		Tiến sĩ	Kinh tế học	Kinh tế học đại cương	7340403	Quản lý công	21	
4	Nguyễn Phương An	Nữ		Tiến sĩ	Chính trị		7340403	Quản lý công	15	

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
					học	Chính trị học				
5	Nguyễn Thị Việt Hà	Nữ		Tiến sĩ	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7340403	Quản lý công	10	
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam		7340403	Quản lý công	16	
7	Phan Văn Cả	Nam		Tiến sĩ	Lịch sử thế giới	Lịch sử văn minh thế giới	7340403	Quản lý công	19	
8	Vũ Quý Tùng Anh	Nam		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam		7340403	Quản lý công	13	
9	Ngô Thị Kim Liên	Nữ		Tiến sĩ	Lịch sử Việt Nam		7340403	Quản lý công	20	



STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
10	Ngô Tuấn Phương	Nam		Thạc sĩ	CNDVLS & CNDVBC	Triết học	7340403	Quản lý công	18	
11	Phạm Tấn Xuân Tước	Nam		Thạc sĩ	Hồ Chí Minh học	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7340403	Quản lý công	27	
12	Đoàn Thị Nhẹ	Nữ		Thạc sĩ	CNDVBC và CNDVLS	Triết học	7340403	Quản lý công	19	
13	Nguyễn Thị Túy	Nữ		Thạc sĩ	Lịch sử ĐCSVN	Lịch sử ĐCSVN	7340403	Quản lý công	19	
14	Dương Thành Thông	Nam		Thạc sĩ	Lịch sử Việt Nam		7340403	Quản lý công	12	
15	Nguyễn Đức Cường	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	9	

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
16	Từ Thị Thoa	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	9	
17	Phạm Thị Quỳnh Chi	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	9	
18	Vũ Thị Hiền	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý nhà nước		7340403	Quản lý công	11	
19	Lê Đức Hiền	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	10	
20	Nguyễn Minh Lý	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	10	
21	Trần Bá Hùng	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	11	
22	Trần Thị Vành Khuyên	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	12	

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
23	Lê Thị Huệ	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	12	
24	Lâm Thái Bảo Ngọc	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340403	Quản lý công	11	
25	Lý Thu Thủy	Nữ		Thạc sĩ	Chính sách công		7340403	Quản lý công	16	
26	Nguyễn Đăng Phương Truyền	Nam		Thạc sĩ	Hành chính học, Quản lý công		7340403	Quản lý công	10	
27	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	20	
28	Nguyễn Trường Sơn	Nam		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	8	
29	Hồ Thị Lam	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính		7340403	Quản lý công	10	

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
30	Trương Tư Phước	Nam		Thạc sĩ	Chính sách công, Hệ thống pháp luật Nga và quốc tế		7340403	Quản lý công	10	
31	Nguyễn Ngọc Trường Huy	Nam		Tiến sĩ	Điện tử - Viễn thông		7340403	Quản lý công	21	
32	Nguyễn Minh Huyền Trang	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	16	
33	Đỗ Văn Đại	Nam	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		7340403	Quản lý công	25	
34	Lưu Trung Thủy	Nam		Tiến sĩ	Văn học		7340403	Quản lý công	17	
35	Đình Minh Dũng	Nam		Tiến sĩ	Quản lý công		7340403	Quản lý công	35	
36	Nguyễn Ngọc Duy Phương	Nam		Tiến sĩ	Quản lý		7340403	Quản lý công	18	

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
					phát triển					
37	Lê Vũ Nam	Nam	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Luật học		7340403	Quản lý công	30	
<b>Tổng số giảng viên toàn trường: 37</b>										

### III. CÁC THÔNG TIN CỦA NĂM TUYỂN SINH

**1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CĐ, CĐ ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CĐ)**

*1.1. Đối tượng tuyển sinh:* Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM.

*1.2. Phạm vi tuyển sinh:* Tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc

*1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển):* Xét tuyển

*1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:* Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ

đào tạo.

a. Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7340403	Quản lý công	226	19/03/2021	ĐH Quốc Gia TP.HCM	2021

b. Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo.

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Theo xét KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính

1	Đại học	7340403	Quản lý công	Tối thiểu 20	40	A01	Toán	D01	Ngoại ngữ	C15	Văn	C00	Địa lý
---	---------	---------	--------------	--------------	----	-----	------	-----	-----------	-----	-----	-----	--------

*c. Phân bổ chỉ tiêu dự kiến*

STT	Phương thức tuyển sinh	Dự kiến % chỉ tiêu cho từng phương thức
1	Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM	Tối đa 4%
2	Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQG-HCM	Tối đa 10%
3	Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021	Tối thiểu 30%
4	Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021	Tối đa 32%
5	Phương thức 5: Xét tuyển bằng phương thức dùng kết quả các kỳ thi quốc tế	Tối đa 4%
6	Phương thức 6: Xét trung bình học bạ 3 năm THPT kết hợp với bài luận về ngành QLC	Tối đa 20%
<i>Lưu ý: Chỉ tiêu của từng phương thức có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình tuyển sinh thực tế.</i>		

*1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

*a. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:*

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2021: mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển là 16 điểm cho tất cả tổ hợp xét tuyển.

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021: mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển là 600 điểm cho ngành Quản lý công.

*b. Điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:*

- Điều kiện chung:

+ Thí sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam hoặc tương đương thỏa các điều kiện xét tuyển theo từng phương thức.

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

+ Đạt yêu cầu về đối tượng tuyển sinh và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ĐHQG-HCM.

*1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...*

- Mã số trường: QSH

- Mã số ngành: 7340403

STT	Đơn vị	Tổ hợp môn xét tuyển năm 2021
1	Khoa Chính trị - Hành Chính, ĐH Quốc Gia TP Hồ Chí Minh	A01, D01, C15, C00

Ghi chú:

- A01 (Toán, Vật lý, Ngoại ngữ), D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh), C15 (Ngữ văn, Toán, Khoa học xã hội), C00 (Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý)



**1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...**

**1.7.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM**

Chỉ tiêu: tối đa 4%

***a. Theo quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ GD&ĐT 2021***

*Đối tượng và hồ sơ đăng ký xét tuyển: theo quy định của Bộ GD&ĐT.*

- Đăng ký xét tuyển (ĐKXT): Theo kế hoạch, quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT

- Thời gian ĐKXT: Thí sinh đăng ký xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh năm 2021 của Bộ GD&ĐT.

***b. Ưu tiên xét tuyển thẳng thí sinh giỏi nhất trường THPT năm 2021 (theo quy định ĐHQG-HCM)***

- Đối tượng: Áp dụng cho các trường THPT (trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT, không bao gồm các trung tâm giáo dục thường xuyên) trên cả nước.

- Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu giới thiệu 01 thí sinh giỏi nhất trường THPT theo các tiêu chí sau:

+ Hai tiêu chí chính:

- Học lực Giỏi và hạnh kiểm Tốt trong 3 năm THPT (lớp 10, 11, 12).
- Có điểm trung bình cộng học lực 3 năm THPT thuộc nhóm 3 học sinh cao nhất.

+ Các tiêu chí kết hợp:

- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố giải Nhất, Nhì, Ba (chọn giải thưởng cao nhất đạt được ở THPT).

- Các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế.

- Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

- Đăng ký xét tuyển: thí sinh đăng ký xét tuyển tối đa 03 nguyện vọng ngành/nhóm ngành vào 01 Trường đại học thành viên, khoa và phân hiệu trực thuộc ĐHQG-HCM (chỉ giới hạn 01 đơn vị).

- Thời gian ĐKXT và gửi hồ sơ trực tiếp về Khoa Chính trị - Hành chính (*đối với thí sinh đăng ký nguyện vọng vào ngành Quản lý công*): 15/5-15/6/2021.

- Hồ sơ ĐKXT:

+ Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu).

+ Thư giới thiệu của Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu trường THPT (giới thiệu 01 thí sinh thuộc nhóm 03 học sinh giỏi nhất trường THPT).

+ Học bạ THPT (học bạ có dấu giáp lai và xác nhận của trường THPT hoặc là bản sao có công chứng).

+ Giấy chứng nhận hoặc giấy khen đạt giải thưởng học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố (bản sao hoặc xác nhận trường THPT).

+ Giấy chứng nhận hoặc giấy khen, hồ sơ khác liên quan đến thành tích học tập, rèn luyện trong quá trình học THPT.

+ Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (nếu có).

+ Bài luận viết tay của thí sinh trên giấy A4, trình bày động cơ học tập và sự phù hợp của năng lực bản thân với ngành

học.

+ 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại thí sinh.

- Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển:

Thí sinh gửi chuyển phát nhanh bộ hồ sơ giấy qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp về Khoa theo địa chỉ:

Khoa Chính trị - Hành chính - Phòng Đào tạo và công tác sinh viên, Nhà điều hành Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), Lầu 7, phòng 707, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

*Lưu ý: Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Khoa Chính trị - Hành chính (trong giờ hành chính các ngày trong tuần, trừ thứ 7 và Chủ nhật, nộp hồ sơ theo đường bưu điện sẽ tính ngày nộp theo dấu bưu điện).*

- Dự kiến thời gian xét tuyển và công bố kết quả, xác nhận nhập học: dự kiến 28/7 – trước ngày 10/8/2021.

### **1.7.2. Phương thức 2: Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQG-HCM**

- Chỉ tiêu: Tối đa 10%

- Danh sách trường THPT UTXT: Tổng số trường 149 bao gồm:

- Các trường THPT chuyên, năng khiếu trong cả nước cập nhật năm 2021 (83 trường);
- 66 trường THPT bổ sung thêm theo các tiêu chí của ĐHQG-HCM cụ thể như sau:
  - ✓ Phân bổ số lượng trường theo hướng ưu tiên khu vực tuyển sinh hoặc tỉnh/thành có số lượng thí sinh đăng ký, trúng tuyển nhiều vào ĐHQG-HCM giai đoạn 2018-2020.
  - ✓ Trường THPT có số lượng thí sinh trúng tuyển, nhập học nhiều vào ĐHQG-HCM.
  - ✓ Trường THPT có số lượng cựu học sinh đạt kết quả học tập cao khi học đại học tại ĐHQG-HCM.

*(Danh sách các trường do ĐHQG-HCM công bố kèm theo)*

- Tiêu chí ưu tiên xét tuyển:

+ Tốt nghiệp THPT năm 2021.

+ Có hạnh kiểm tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11, lớp 12 và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- ✓ Học sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu trong cả nước đạt tối thiểu 2 năm học sinh giỏi trong các năm học ở bậc THPT (Lớp 10, 11, 12).
- ✓ Học sinh của 66 trường THPT thuộc nhóm ưu tiên trên (theo danh sách do ĐHQG-HCM công bố) đạt danh hiệu học sinh giỏi 3 năm ở bậc THPT (Lớp 10, 11, 12).
- ✓ Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

- Đăng ký xét tuyển: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại Cổng đăng ký xét tuyển của ĐHQG-HCM.

Thí sinh thực hiện đăng ký WTXT theo các bước bắt buộc như sau:

Bước 1: Truy cập trang thông tin điện tử của ĐHQG-HCM

(<http://tuyensinh.vnuhcm.edu.vn>) để điền thông tin đăng ký UTXT

Bước 2: Sau khi đăng ký thành công, thí sinh in phiếu đăng ký UTXT, ký tên và xác nhận thông tin của trường THPT.

Bước 3: Thí sinh gửi chuyển phát nhanh bộ hồ sơ giấy qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp về Khoa theo địa chỉ:

Khoa Chính trị - Hành chính - Phòng Đào tạo và công tác sinh viên, Nhà điều hành Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), Lầu 7, phòng 707, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

*Lưu ý: Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Khoa Chính trị - Hành chính (trong giờ hành chính các ngày trong tuần, trừ thứ 7 và Chủ nhật, nộp hồ sơ theo đường bưu điện sẽ tính ngày nộp theo dấu bưu điện).*

Hồ sơ gồm:

- + Phiếu đăng ký UTXT được in từ hệ thống đăng ký UTXT sau khi hoàn thành bước 1 và bước 2.
- + Học bạ THPT (học bạ có dấu giáp lai và xác nhận của trường THPT hoặc là bản sao có công chứng).
- + Bản sao giấy chứng nhận/ quyết định là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia (có xác nhận của trường THPT) nếu có.
- Số nguyện vọng ĐKXT: Tối đa 3 nguyện vọng vào Trường/Khoa/Phân hiệu (đơn vị), không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).
- Dự kiến thời gian ĐKXT: 15/5-15/6/2021.
- Dự kiến thời gian lọc ảo, xét tuyển và công bố kết quả, xác nhận nhập học: dự kiến 28/7 – trước ngày 10/8/2021.

### **1.7.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021**

- Chỉ tiêu: Tối thiểu 30%
- Đối tượng: Thí sinh có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- Tổ hợp môn xét tuyển: **A01, D01, C15, C00** (*điểm xét tuyển là tổng điểm 03 môn thi của tổ hợp môn xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có).*)
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (dự kiến): **16 điểm** (*cho ngành Quản lý công và tổ hợp xét tuyển*)
- Phương thức, điều kiện xét tuyển:
  - + Theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT năm 2021.
  - + Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 môn thi của tổ hợp môn xét tuyển (không nhân hệ số) cộng điểm ưu tiên khu vực và đối tượng (nếu có). Điểm chuẩn trúng tuyển là giống nhau cho tất cả các tổ hợp xét tuyển.

- + Phương thức xét tuyển xét từ cao đến thấp cho đến hết chỉ tiêu.
- Thời gian và hình thức ĐKXT: Theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- Thí sinh xác nhận nhập học: Theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

#### **1.7.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021**

- Chỉ tiêu: tối đa 32%
- Đối tượng: Thí sinh có kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2021.
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: **600 điểm**.
- Về việc tổ chức kỳ thi ĐGNL: tổ chức hai đợt thi trong năm 2021.
- + Đợt 1: 28/03/2021
- + Đợt 2: dự kiến tổ chức sau kỳ thi tốt nghiệp THPT 01 tuần.
- Đăng ký và xét tuyển 01 đợt như sau:
  - ✓ Dự kiến thời gian ĐKXT: 4/5 – 15/6/2021.
  - ✓ Số nguyện vọng ĐKXT: tối đa 03 nguyện vọng vào 01 đơn vị, không giới hạn số đơn vị (có phân biệt thứ tự nguyện vọng).
  - ✓ Dự kiến thời gian lọc ảo, xét tuyển, công bố kết quả, xác nhận nhập học: dự kiến 28/7 – trước ngày 10/8/2021.

#### **1.7.5. Phương thức 5: Xét tuyển bằng phương thức dùng kết quả các kỳ thi quốc tế**

Xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT kết hợp chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT hoặc năng lực tiếng Việt

- Chỉ tiêu: tối đa 4%
- Điều kiện xét tuyển:

+ Đối với thí sinh người Việt Nam, học chương trình THPT nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam:

- ✓ Có hạnh kiểm tốt trong các năm học THPT.
- ✓ Đạt danh hiệu học sinh Khá trở lên trong tất cả các năm học ở THPT (lớp 10, 11, 12).
- ✓ Chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu: IELTS 5.0, TOEFL iBT 45.

+ Đối với thí sinh người nước ngoài, học chương trình THPT nước ngoài (đã được nước sở tại cho phép thực hiện, đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam) ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam:

- ✓ Có hạnh kiểm tốt trong các năm học THPT (lớp 10, 11, 12).
- ✓ Đạt danh hiệu học sinh Khá trở lên trong tất cả các năm học ở THPT (lớp 10, 11, 12).
- ✓ Chứng chỉ tiếng Anh tối thiểu: IELTS 5.0, TOEFL iBT 45.
- ✓ Chứng chỉ năng lực tiếng Việt: Tối thiểu B1.

*Lưu ý: Các thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam hoặc cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

- Đăng ký xét tuyển: Thí sinh gửi chuyển phát nhanh bộ hồ sơ giấy qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp về Khoa theo địa chỉ:

Khoa Chính trị - Hành chính - Phòng Đào tạo và công tác sinh viên, Nhà điều hành Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), Lầu 7, phòng 707, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

*Lưu ý: Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Khoa Chính trị - Hành chính (trong giờ hành chính các ngày trong tuần, trừ thứ 7*

và Chủ nhật, nộp hồ sơ theo đường bưu điện sẽ tính ngày nộp theo dấu bưu điện).

- Hồ sơ:

- ✓ Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu).
- ✓ Bản sao công chứng: chứng chỉ quốc tế, học bạ 3 năm THPT (lớp 10, 11, 12),
- ✓ Bằng THPT photo có công chứng (nếu có).
- ✓ Bản chính kết quả kỳ thi THPT năm 2021 (đối với thí sinh TN năm 2021).
- ✓ 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại thí sinh.

- Thời gian nhận hồ sơ: 10/5-15/6/2021.

- Xét tuyển và công bố kết quả: 28/7/2021

- Xác nhận nhập học chính thức: dự kiến trước 17h00 ngày 10/8/2021.

#### **1.7.6. Phương thức 6: Xét trung bình học bạ 3 năm THPT kết hợp với bài luận về ngành Quản lý công**

- Chỉ tiêu: tối đa 20%

- Điều kiện xét tuyển:

+ Tiêu chí chính:

- ✓ Học lực Khá và hạnh kiểm tốt trong 3 năm THPT (lớp 10, 11, 12).
- ✓ Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2019, 2020, 2021.

+ Tiêu chí phụ: Là cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh từ Bí thư chi đoàn trở lên hoặc Đoàn viên có giấy khen cấp tỉnh và tương đương trở lên.

- Phương thức xét tuyển: Xét tuyển theo tổng điểm trung bình chung học tập các năm học THPT (lớp 10, 11, 12), kết



hợp bài luận về ngành Quản lý công; xét từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

- Đăng ký xét tuyển: Thí sinh gửi chuyển phát nhanh bộ hồ sơ giấy qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp về Khoa theo địa chỉ:

Khoa Chính trị - Hành chính - Phòng Đào tạo và công tác sinh viên, Nhà điều hành Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), Lầu 7, phòng 707, Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

*Lưu ý: Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Khoa Chính trị - Hành chính (trong giờ hành chính các ngày trong tuần, trừ thứ 7 và Chủ nhật, nộp hồ sơ theo đường bưu điện sẽ tính ngày nộp theo dấu bưu điện).*

- Hồ sơ:

- ✓ Đơn đăng ký xét tuyển (theo mẫu).
- ✓ Bản sao công chứng học bạ 3 năm THPT (lớp 10, 11, 12), bằng THPT photo công chứng (nếu có).
- ✓ Bản chính kết quả kỳ thi THPT năm 2021 (đối với thí sinh TN năm 2021).
- ✓ 02 phong bì dán tem, ghi địa chỉ, số điện thoại thí sinh.
- ✓ Bài luận viết tay của thí sinh trên giấy A4, trình bày động cơ học tập và sự phù hợp của năng lực bản thân với ngành học.
- ✓ Đối với tiêu chí phụ:
  - Bản sao sổ Đoàn viên hoặc quyết định của Đoàn trường THPT hoặc giấy xác nhận của Đoàn trường THPT.
  - Bản sao giấy khen cấp tỉnh và tương đương trở lên.

- Thời gian ĐKXT: 10/5-15/6/2021.

- Dự kiến thời gian xét tuyển và công bố kết quả, xác nhận nhập học: dự kiến 28/7 – trước 10/8/2021.

## **1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...**

## **1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...**

Bộ GD&ĐT và ĐHQG-HCM dự kiến lệ phí đăng ký xét tuyển theo nguyện vọng: 25.000/nguyện vọng

\*Cách nộp lệ phí đối với trường hợp UTXT

- Nộp trực tiếp tại Khoa: 25.000/nguyện vọng

- Nộp qua đường bưu điện:

Nộp lệ phí kèm hồ sơ qua đường bưu điện (sử dụng dịch vụ “Chuyển phát hồ sơ kèm Lệ phí xét tuyển” gửi cho Khoa Chính trị - Hành chính – QSH”, không để tiền lệ phí trong bì hồ sơ). (Lưu ý: một số bưu điện địa phương chưa hỗ trợ dịch vụ này).

Nộp tiền hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của Khoa. Nội dung nộp tiền ghi rõ: “CMND, họ và tên, ngày sinh, lệ phí xét tuyển theo phương thức nào”

VD: Nguyễn Văn A, 23/8/2002, 022178500009, Phương thức 1

Tên tài khoản: Khoa Chính trị - Hành chính

Số tài khoản: 314.10.000.545.687

Tại ngân hàng: TMCP Đầu Tư & Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Đông Sài Gòn - TP.HCM

*Lưu ý: Có thể sử dụng internet banking, nộp tiền, chuyển tiền từ bất cứ ngân hàng nào khác vào tài khoản trên. Không nộp lệ phí qua máy ATM.*

## **1.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)**

Lộ trình thu học phí (dự kiến) ngành Quản lý công, trong đó mức thu dự kiến tăng 10% mỗi năm từ năm 2022 đến năm 2025 được thể hiện cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

<b>Học phí</b>	<b>Năm học 2021 - 2022</b>	<b>Năm học 2022 - 2023</b>	<b>Năm học 2023 - 2024</b>	<b>Năm học 2024 - 2025</b>
Học phí/tháng	1.075.000	1.185.000	1.305.000	1.435.000
Học phí/học kỳ (5 tháng)	5.375.000	5.925.000	6.525.000	7.175.000
Học phí/năm (10 tháng)	10.750.000	11.850.000	13.050.000	14.350.000
<b>Cộng:</b>	<b>50.000.000</b>			

**1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....**

**1.12. Thông tin triển khai đào tạo ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học**

(xác định rõ theo từng giai đoạn với thời gian xác định cụ thể).

1.12.1. Tên doanh nghiệp các nội dung hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp đối tác và trách nhiệm của mỗi bên; trách nhiệm đảm bảo việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

1.12.2. Các thông tin khác triển khai áp dụng cơ ưu tiên trong đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực Du lịch/ Công nghệ thông tin trình độ đại học. *(không trái quy định hiện hành)....*





7	Khôi ngành VII								
	<b>Tổng</b>								

#### 1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường;
- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh.

**2. Tuyển sinh vừa làm vừa học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (không bao gồm chỉ tiêu liên thông VLVH trình độ ĐH, trình độ CĐ Ngành Giáo dục Mầm non và chỉ tiêu liên thông VLVH từ ĐH đối với người có bằng ĐH, từ CĐ đối với người có bằng CĐ): Chưa có sinh viên**

*2.1. Đối tượng tuyển sinh*

*2.2. Phạm vi tuyển sinh*

*2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)*

*2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số QĐ đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1.							

2.							
----	--	--	--	--	--	--	--

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...

2.8. Chính sách ưu tiên.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

2.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

2.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

2.13. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

### **3. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CĐ lên ĐH, từ TC lên CĐ ngành Giáo dục Mầm non: Chưa có sinh viên.**

3.1. Đối tượng tuyển sinh

3.2. Phạm vi tuyển sinh

3.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Stt	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1.									
2.									

3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

3.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

3.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển;

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

3.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

3.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

**4. Tuyển sinh trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non các hình thức đào tạo chính quy và vừa làm**



**vừa học đối với người có bằng CĐ; ĐH:** Chưa có sinh viên

4.1. *Đối tượng tuyển sinh*

4.2. *Phạm vi tuyển sinh*

4.3. *Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)*

4.4. *Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

Stt	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VLVH (dự điển)	Số QĐ đào tạo bằng tốt nghiệp đại học thứ hai	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có TQ cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1.								
2.								

4.5. *Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

4.6. *Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:*

4.7. *Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...*

4.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...

4.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

4.10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

4.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

**5. Tuyển sinh đặt hàng trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non các cho hình thức đào tạo chính quy và vừa làm vừa học: Chưa có sinh viên**

5.1. Văn bản giao nhiệm vụ, đặt hàng, nội dung thoả thuận giữa các bên và các thông tin liên quan (Bộ ngành, UBND tỉnh)

5.2. Chỉ tiêu đào tạo

5.3. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

5.4. Các nội dung tuyển sinh đào tạo theo đặt hàng do các trường quy định (không trái quy định hiện hành).

**Cán bộ kê khai**

(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

(đã ký)

**ThS. Nguyễn Thị Lan Anh**

**ĐT: 0903.408886**

**Email: ntlanh.cthc@vnuhcm.edu.vn**

Ngày 12 tháng 05 năm 2021

**TRƯỞNG KHOA**

(đã ký)

**TS. Phạm Huỳnh Minh Hùng**